Chương II

VIỆT NAM TỪ THẾ KỈ X ĐẾN THẾ KỈ XV

Bài 17 QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA NHÀ NƯỚC PHONG KIẾN

(Từ thế kỉ X đến thế kỉ XV)

(1 tiết)

I - MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Về kiến thức

Giúp HS hiểu :

– Quá trình xây dựng và hoàn chỉnh nhà nước phong kiến Việt Nam diễn ra trong một thời gian lâu dài trên một lãnh thổ thống nhất.

– Nhà nước phong kiến Việt Nam được tổ chức chặt chẽ theo chế độ quân chủ trung ương tập quyền, có luật pháp, quân đội và các chính sách đối nội, đối ngoại đầy đủ, tự chủ, độc lập.

– Trên bước đường phát triển, mặc dù tính giai cấp ngày càng gia tăng, nhà nước phong kiến Việt Nam vẫn giữ được mối quan hệ gần gũi với nhân dân.

2. Về tư tưởng, tình cảm

– Bồi dưỡng ý thức độc lập dân tộc, bảo vệ sự thống nhất nước nhà.

– Bồi dưỡng niềm tự hào dân tộc.

3. Về kĩ năng

Rèn luyện kĩ năng phân tích, so sánh.

II - NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Về nội dung

Công cuộc xây dựng nhà nước là một quá trình, phụ thuộc vào sự phát triển của những quan hệ xã hội trong nước và ý thức giai cấp của các triều đại thống trị.

Do hoàn cảnh đặc biệt, nhà nước phong kiến Việt Nam được tổ chức theo mô hình nhà nước phong kiến Trung Quốc, tuy nhiên vẫn giữ được nhiều nét riêng của

mình. Trong những thế kỉ X – XV, trải qua các triều đại Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần, Hồ, Lê sơ, nhà nước phong kiến từng bước được hoàn chỉnh, tổ chức chặt chẽ trên cơ sở một lãnh thổ thống nhất. Có thể nói ở thế kỉ XV dưới thời vua Lê Thánh Tông, nhà nước quân chủ trung ương tập quyền Việt Nam đã đạt trình độ tiên tiến đương thời.

Điều đáng chú ý là, mặc dù quá trình phong kiến hoá ngày càng tăng lên, giai cấp thống trị vẫn giữ được mối quan hệ gần gũi với nhân dân, thường xuyên – nhất là ở các giai đoạn đầu của các triều đại – quan tâm đến sự ổn định và phát triển kinh tế, đến đời sống nhân dân. Đó chính là cơ sở cực kì quan trọng để đoàn kết toàn dân trong kháng chiến chống ngoại xâm.

2. Về phương pháp

GV cần lưu ý đây là một bài học khái quát nhằm giúp HS có được một nhận thức cơ bản về các giai đoạn phát triển của nhà nước phong kiến Việt Nam, từ các thời Ngô, Đinh, Tiền Lê đến thời Lê sơ. Do đó, trong giảng dạy có thể vẽ sơ đồ tổ chức bộ máy nhà nước, vận dụng những kiến thức đã có của HS.

Có thể chia thành các giai đoạn : hình thành, cải tiến và hoàn chỉnh. Thể chế chung là quân chủ trung ương tập quyền.

GV cần sử dụng phương pháp miêu tả, kết hợp với phân tích, đàm thoại với HS.

III - THIẾT BỊ, TÀI LIỆU DẠY – HỌC

– Bản đồ Việt Nam.

– Tranh ảnh nhà bia trong Văn Miếu.

– Một số tư liệu về nhà nước các triều Lý, Trần, Lê sơ.

IV - GỢI Ý TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY – HỌC

1. Giới thiệu bài học

– Có thể đặt vấn đề vai trò của nhà nước trong quá trình khẳng định nền độc lập, tự chủ của dân tộc.

– Có thể mở đầu theo SGK và nói lên những biến động qua các triều đại.

2. Tổ chức các hoạt động dạy và học

I - BƯỚC ĐẦU XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC ĐỘC LẬP Ở THẾ KỈ X

GV có thể nói ngay những đặc điểm của giai đoạn này như : nhân dân ta vừa giành lại được độc lập sau hơn 1000 năm Bắc thuộc, yêu cầu giữ vững sự an ninh

và thống nhất đất nước nhằm đánh lại các cuộc xâm lược của nước ngoài, bảo vệ nền độc lập, tự chủ của Tổ quốc.

Cần làm cho HS thấy rõ, việc Ngô Quyền xưng vương, thành lập chính quyền riêng là một mốc mở đầu rất có ý nghĩa, song phải đến thời Đinh, nhà nước quân chủ chuyên chế Việt Nam mới chính thức được xác lập. Chính trên cơ sở thống nhất đất nước, Đinh Bộ Lĩnh mới xưng Hoàng đế, đặt niên hiệu Thái Bình, đặt tên nước là Đại Cồ Việt, đóng đô ở Hoa Lư, đúng như đoạn chữ nhỏ trong SGK.

Tất nhiên trong hoàn cảnh đương thời, lần đầu tiên thành lập một nhà nước quân chủ theo hướng phong kiến hoá, tổ chức nhà nước Đinh – Tiền Lê còn sơ khai về các mặt, nhưng nó đã thể hiện được tính dân tộc ở chỗ đặt thêm tăng ban, vừa quản lí các tôn giáo vừa góp phần giúp nước. Trong thực tế, các nhà sư đương thời như Ngô Chân Lưu, Vạn Hạnh... đã thực sự đóng góp sức mình cho công cuộc dựng nước và giữ nước.

GV có thể đặt câu hỏi về những việc làm của Đinh Bộ Lĩnh có ý nghĩa gì ?

II - PHÁT TRIỂN VÀ HOÀN CHỈNH NHÀ NƯỚC PHONG KIẾN Ở CÁC THẾ KỈ XI – XV

Mục 1. Tổ chức bộ máy nhà nước

Trước hết, GV nêu những việc làm của các vua đầu thời Lý (như SGK) và đặt câu hỏi (phần sau của câu hỏi trong SGK) nhằm khẳng định sự mở đầu của một thời kì phát triển.

Tiếp theo là 2 giai đoạn chính : Lý, Trần, Hồ và Lê sơ.

Giai đoạn 1 : chia thành 2 ý : – chính quyền trung ương ;

– chính quyền địa phương.

Thể chế chung là quân chủ chuyên chế. GV có thể đặt câu hỏi hoặc tự giải thích cho HS : Thế nào là quân chủ chuyên chế ? Tuy nhiên, đương thời chuyên chế có mức độ do bên dưới có Tể tướng và một hệ thống các đại thần.

Có thể nói thêm (hoặc hỏi HS) thời Trần có 2 vua (vua và thượng hoàng).

Về chính quyền địa phương : cấp lộ (như tỉnh ngày nay) chỉ có 1 – 2 viên quan cai quản chung ; cấp xã : xã quan (thời Trần).

Giai đoạn 2 : cũng chia thành 2 ý như trên.

Sơ qua về sự thành lập nhà Lê và đặc biệt là nguyên nhân dẫn đến cuộc cải cách hành chính của vua Lê Thánh Tông.

Ở Trung ương, GV nhấn mạnh việc bỏ các chức Tể tướng và trung gian, thành lập 6 bộ, mỗi bộ quản lí một hoạt động của nhà nước.

– GV nên vẽ sơ đồ (đơn giản) 2 triều đình Lý, Trần và triều đình Lê sơ (thời vua Lê Thánh Tông) rồi đặt câu hỏi để so sánh.

Ở địa phương : chia nước làm 13 đạo thừa tuyên. Mỗi thừa tuyên có 3 ti.

Cuối cùng, GV trình bày thêm về cách tuyển chọn quan lại.

Mục 2. Luật pháp và quân đội

GV mở đầu bằng việc nói rõ vai trò của luật pháp, tuy nhiên phải đến thời Lý, năm 1042, bộ luật thành văn đầu tiên của nước ta mới ban hành (phải trải qua một giai đoạn xây dựng nhà nước).

Nhấn mạnh luật Hồng Đức, ban hành vào năm 1483, một bộ luật lớn còn lưu lại cho đến ngày nay (đã được dịch và phát hành).

Cho HS đọc đoạn chữ nhỏ trong SGK và đặt câu hỏi.

Quân đội được tổ chức quy củ từ thời Lý và ngày càng chặt chẽ. GV nhấn mạnh 3 ý chính :

– Quân đội bao gồm 2 thứ quân : bảo vệ nhà vua và hoàng thành và quân bảo vệ quốc gia ; trang bị vũ khí đầy đủ.

– Chế độ "ngụ binh ư nông".

– Khi có chiến tranh, thời Trần cho phép các vương hầu và nhân dân tổ chức dân binh tham gia kháng chiến.

Mục 3. Hoạt động đối nội và đối ngoại

– Đối nội : Gần gũi nhân dân. Đối với các tộc người thiểu số : tìm cách liên kết, đoàn kết cùng nhà nước bảo vệ sự toàn vẹn và thống nhất lãnh thổ. Điều này rất có ý nghĩa đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

– Đối ngoại : Tinh thần độc lập, tự chủ luôn luôn được đặt lên hàng đầu, mặc dù với tư cách nước nhỏ, trong hoàn cảnh của chế độ phong kiến, phải chịu nộp cống và xin cầu phong nhằm bảo vệ hoà hiếu lâu dài với các triều đại phương Bắc.

Đối với các quốc gia ở Tây và Nam (Lào, Cham-pa) : Phải hiểu bấy giờ Cham-pa là một quốc gia độc lập, tuy chính quyền ngày càng suy yếu nhưng vẫn thường đem quân đánh lên Đại Việt. Trong trường hợp đó, nhà nước phong kiến Đại Việt buộc phải dùng chính sách vừa cứng rắn, vừa mềm dẻo và cuối cùng đã khuất phục được nhà nước Cham-pa.

GV cần đặt các câu hỏi trong SGK để khẳng định một số ý cơ bản.

3. Sơ kết bài

– Củng cố :

+ Trải qua 5 thế kỉ sau ngày giành lại độc lập, nhân dân ta đã xây dựng được một nhà nước ngày càng hoàn chỉnh bao gồm đầy đủ các mặt : hành chính, luật pháp, quân đội.

+ Nhà nước phong kiến Việt Nam từ thời Ngô đến thời Lê sơ luôn luôn giữ vững tư thế độc lập tự chủ của mình và đoàn kết được với tất cả các tộc người trong nước.

– Bài tập :

GV hướng dẫn HS để trả lời câu hỏi 1, bài 17 trong SGK cần dựa vào nội dung mục I và 1 của bài này. So sánh để thấy được tổ chức bộ máy nhà nước ngày càng phát triển. Vẽ sơ đồ tổ chức bộ máy nhà nước thời Đinh – Tiền Lê, Lý – Trần, Lê sơ để thay trả lời cho câu hỏi 2 và 3.

V - TÀI LIỆU THAM KHẢO

Vua Trần Thánh Tông (1258 – 1278) thường nói với các vương hầu, tông thất rằng : "Thiên hạ này là thiên hạ của tổ tông, người nối giữ cơ nghiệp của tổ tông nên cùng anh em trong tông thất cùng hưởng phú quý. Dù rằng cả thiên hạ cùng phụng thờ một người, tôn kính đó là theo về danh phận, những anh em là xương thịt rất thân, gặp lúc lo thì cùng lo, gặp lúc vui thì cùng vui. Trẫm với các khanh nói về tình thân cũng như thân thể một người không thể chia cắt được. Các khanh nên đem lời nói này của trẫm truyền lại cho con cháu để ghi nhớ không bao giờ quên, thế là phúc trạch muôn đời của Tôn miếu xã tắc nhà ta đấy" (*Đại Việt sử kí toàn thư*).

Theo tinh thần đó, dưới thời Trần, các chức vụ cao cấp trong triều đều được giao cho vương hầu, quý tộc dòng họ.

Từ thời Lê Thái Tổ, nhà vua đã không phân phong con cháu đi trấn trị các nơi, không giao cho họ các chức vụ quan trọng trong triều nếu họ không có tài, học hành kém...

Thời Lê Thánh Tông, các chức trung gian giữa vua và các cơ quan hành chính đều bị bãi bỏ. Chính quyền trung ương gồm : vua đứng đầu nắm mọi quyền hành. Giúp vua có 6 bộ (Lại, Hộ, Lễ, Binh, Hình, Công), Ngự sử đài, Hàn lâm viện, Bí thư giám và một số viện, tự. Chính quyền địa phương gồm 3 ti : Đô ti

phụ trách quân sự, Thừa ti phụ trách các việc dân sự, Hiến ti phụ trách an ninh và thanh tra. Phủ, huyện, châu đều có quan đứng đầu, xã có xã trưởng.

Quan lại nhà Lê, đặc biệt là ở thời vua Lê Thánh Tông, đều phải trải qua thi cử và đỗ đạt. Các quý tộc muốn làm quan cũng phải như vậy.

(Theo : Trương Hữu Quýnh (Chủ biên),
Đại cương lịch sử Việt Nam, Tập I, Sđd)